

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HÌNH CHI TIẾT**

Trình đào tạo: **CAO ĐẲNG**  
Ngành đào tạo: **GIÁO DỤC TIỂU HỌC**  
Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUY**

(Ban hành kèm theo Quy định số 121/QĐ-CĐSP ngày 15 tháng 9 năm 2008  
của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Huế)

**1. Mục tiêu đào tạo:**

**1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học trình độ cao đẳng nhằm đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Giáo dục tiểu học (GDTH) trong thị trường công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Các giáo viên tiểu học (GVTH) có đạo đức phẩm chất tốt, phẩm chất tốt, có sức khỏe, có năng lực giáo dục, dạy học theo yêu cầu của chuẩn GVTH, có khả năng dự tuyển chương trình tiểu học mới, có năng lực có khả năng đáp ứng yêu cầu thay thế của GDTH trong tương lai; có khả năng nghiên cứu, tìm kiếm khoa học giáo dục.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Người GVTH có đạo đức theo chương trình cao đẳng sư phạm (CĐSP) cần đạt các yêu cầu cơ bản sau:

*Về phẩm chất*

- Phẩm chất chính trị: Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; là công dân tốt trong công nghiệp; trung thành với nền giáo dục của nước, biết tận dụng sáng tạo nền giáo dục của nước vào dạy học và giáo dục học sinh.

- Về công nghiệp nghiệp vụ:

+ Có năng lực, thành thạo yêu cầu học sinh; tôn trọng và thích công bằng với học sinh, học sinh tin yêu.

+ Có lối sống lành mạnh, trung thực, giản dị, nêu gương tốt cho học sinh.

+ Yêu nghề dạy học và có tinh thần trách nhiệm trong công việc. Đoàn kết, khiêm tốn học hỏi, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ; có ý thức rèn luyện năng lực giao tiếp, quan hệ tốt với cha mẹ học sinh và công nghiệp, có ý thức vận động cha mẹ học sinh và công nghiệp tham gia xây dựng nhà trường, giáo dục học sinh, thực hiện xã hội hoá giáo dục.

+ Có ý thức hoàn thiện bản thân, thường xuyên học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tham gia các cuộc rút sáng kiến, kinh nghiệm giảng dạy.

+ Có ý thức và thường xuyên rèn luyện sức khỏe.

*Vấn đề*

- Kiến thức chuyên môn

+ Có kiến thức tích lũy làm nhiệm vụ dạy tốt các môn học tiểu học.

+ Có kiến thức vững vàng về các môn học làm tốt công tác chuyên môn và chăm sóc học sinh. Dự kiến các khách mời, lập học bạ tiểu học và có thể dự các trường học sinh dân tộc, học sinh khuyết tật.

+ Có hiểu biết về vận dụng, nội dung chương trình tiểu học, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá kết quả học tập rèn luyện của học sinh toàn bộ tiểu học.

+ Nhiệm vụ yêu cầu và phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học.

- Kỹ năng sư phạm

+ Có kỹ năng lập kế hoạch dạy học (tổng năm học, tháng học kỳ) theo chương trình môn học, xây dựng hồ sơ giảng dạy và giảng dạy.

+ Có kỹ năng thiết kế bài giảng: biết xác định các yêu cầu, nội dung cơ bản của bài học, dự kiến các phương pháp và dùng dạy học sáng tạo; biết phân bố thời gian lên lớp và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với từng môn học và trình độ học sinh; biết bổ sung, hoàn thiện bài giảng.

+ Lựa chọn và sử dụng hợp lý các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực và tính tác động của học sinh, các phương tiện thiết bị dạy học thích hợp để kết quả tốt.

+ Có kỹ năng tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

+ Có kỹ năng quản lý lớp học, xây dựng lớp thành tập thể hoàn chỉnh, tự quản; có khả năng giảng dạy học sinh cá biệt.

+ Có kỹ năng giao tiếp sư phạm.

*Vấn đề*

Trên cơ sở có kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm, sinh viên tin tưởng sẽ làm tốt nghề dạy học tiểu học. Có ý thức vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức và kỹ năng có sẵn để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học và giảng dạy học sinh, góp phần nâng cao chất lượng GDTH.

2. **Thời gian đào tạo:** 3 năm, chia làm 6 học kỳ

3. **Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 118 tín chỉ, chia các phần nội dung về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh.

4. **Đối tượng tuyển sinh:** học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông

5. **Quy trình đào tạo, tiêu chuẩn tốt nghiệp:** Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành theo quy định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

6. **Thang điểm:**

7. **Nội dung chương trình** (tên và khối lượng các học phần)

7.1. **Khung chương trình đào tạo**

7.1.1	<b>Kiến thức giáo dục tích hợp</b> (chia các phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)	<b>27</b>
7.1.2	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b> <b>Trong đó tốt nghiệp:</b>	<b>91</b>
	Kiến thức cơ sở ngành	15
	Kiến thức ngành Giáo dục thể chất	49
	Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	04
	Thực tập sinh và thi tốt nghiệp	23

TT	Mã HP	Khí KT/tên HP	S TC	Loại tín chỉ				HP tiên quy t
				Lên lớp		TH/TN	T NC	
				LT	T. luận/ bài tập			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>A</b>		<b>Khí kiến thức giáo dục tích hợp</b>						
<b>I</b>		<b>Lý luận chính trị</b>	<b>10</b>					
1	1 01 001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	2				
2	1 01 002	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	3				<b>1 01 001</b>
3	1 01 003	Tổng hợp Hồ Chí Minh	2	2				<b>1 01 002</b>
4	1 01 007	Nguyên lý cách mạng xã hội chủ nghĩa CS VN	3	3				
<b>II</b>		<b>Ngoại ngữ, Tin học không chuyên</b>	<b>9</b>					
1	1 60 001	Tiếng Anh 1	3	3				
2	1 60 002	Tiếng Anh 2	2	2				<b>1 60 001</b>

3	1 60 003	Ti ng Anh 3	2	2				1 60 002
4	1 62 001	Tin h c i c ng	2	2				
<b>III</b>	<b>1 72 001</b>	<b>Giáo d c th ch t</b>	3			3		
<b>IV</b>	<b>1 75 001</b>	<b>Giáo d c qu c phòng – An ninh</b>	6	6				
<b>V</b>		<b>Khoa h c t nhiên</b>	<b>4</b>					
1	1 20 005	Xác su t th ng kê	2	2				
2	1 20 009	C s LT t p h p và logic toán	2	2				
<b>VI</b>		<b>Khoa h c xã h i và nhân v n</b>	<b>2</b>					
<b>1</b>	<b>1 02 002</b>	Qu n lý hành chính NN và QL ngành	2	2				
<b>VII</b>		<b>T ch n (SV ch n 1/2 HP – 2 TC)</b>	<b>2</b>					
1	1 03 002	Ki m tra ánh giá k t qu GD Ti u h c	2	2				
2	1 23 004	Giáo d c môi tr ng Ti u h c	2	2				
<b>B</b>		<b>Kh i ki n th c giáo d c chuyên nghi p</b>						
<b>I</b>		<b>Ki n th c c s kh i ngành và ngành</b>	<b>15</b>					
1	1 03 001	Tâm lý h c i c ng	2	2				
2	1 03 110	TLH l a tu i ti u h c và TLH s ph m	3	3				1 03 001
3	1 03 107	Giáo d c h c i c ng	2	2				
4	1 03 112	Lý lu nd y h c Ti u h c	2	2				1 03 107
5	1 03 113	Lý lu n giáo d c Ti u h c	2	2				
6	1 23 103	Sinh lý tr l a tu i ti u h c	2	2				
7	1 30 101	Ph ng ti n KTDH và UD CNTT trong DH ti u h c	2	2				
<b>II</b>		<b>Ki n th c ngành</b>	<b>49</b>					
1	1 40 419	V n h c	3	3				
2	1 47 407	Ti ng Vi t 1	3	3				
3	1 47 408	Ti ng Vi t 2	2	2				1 47 407
4	1 47 001	Ti ng Vi t th c hành	2	2				
5	1 47 410	Ph ng pháp d y h c Ti ng Vi t TH 1	3	3				1 03 107
6	1 47 955	Ph ng pháp d y h c Ti ng Vi t TH 2	2	2				1 47 410
7	1 20 418	Các t p h p s	2	2				
8	1 20 419	Ph ng pháp d y h c Toán Ti u h c	4	4				1 03 107
9	1 27 956	TH gi i toán Ti u h c, BD HS gi i TH	2	2				
10	1 72 417	Th d c, nh y dây và PPDH	2	2				
11	1 72 418	i n kinh, b i l i, á c u, trò ch i V và PPDH	3	3				
12	1 70 420	Nh c lý ph thông, t p c nh c, h c hát	3			3		
13	1 70 421	Ph ng pháp d y h c Âm nh c	2	2				1 03 107
14	1 71 421	V theo m u, v trang trí	2			2		
15	1 71 422	V tranh, n n, t o dáng	2			2		
16	1 71 423	Ph ng pháp DH M thu t Ti u h c	2	2				1 03 107
17	1 26 404	Th công k thu t và ph ng pháp DH	4	4				
18	1 23 406	C s t nhiên xã h i	2	2				
19	1 23 407	PPDH T nhiên xã h i ti u h c	4	4				

20	<b>1 02 404</b>	o c và ph ng pháp d y h c	2	2				
<b>III</b>		<b>T ch n (SV c ch n 2/3 HP = 4 tc)</b>	<b>4</b>					
1	<b>1 70 422</b>	Nh c c	2	2				
2	<b>1 20 421</b>	TH 4 k n ng DH Toán ti u h c	2	2				
3	<b>1 07 401</b>	Giáo d c hòa nh p	2	2				
<b>IV</b>		<b>Th c t p, thi t t nghi p, khóa lu n</b>	<b>23</b>					
1	<b>1 73 951</b>	Th c hành Công tác i và Sao nhi ng	1			1		1 tu n
2	<b>1 73 952</b>	Th c hành t ch c các H GD NGLL	1			1		1 tu n
3	<b>1 30 950</b>	Rèn luy n nghi p v s ph m 1	2			2		
4	<b>1 30 951</b>	Rèn luy n nghi p v s ph m 2	2			2		
5	<b>1 30 953</b>	Rèn luy n nghi p v s ph m 3	2			2		
6	<b>1 30 952</b>	Th c t p n m 2	3			3		
7	<b>1 30 954</b>	Th c t p n m 3	7			7		<b>1 30 952</b>
8	<b>1 27 954</b>	Khóa lu n	5				5	
9	<b>1 47 955</b>	<i>Ph ng pháp d y h c Ti ng Vi t TH 2</i>	2	2				HP thay khóa lu n
10	<b>1 27 956</b>	<i>TH gi i toán Ti u h c, b i d ng HS gi i TH</i>	3	3				HP thay khóa lu n
		<b>T ng s vtc toàn khóa</b>	<b>118</b>					

(ch a k các ph n n i dung Giáo d c th ch t và Giáo d c qu c phòng)

**HI U TR NG  
CH T CH H KH& T**